TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 1607/2026/DS-ST
Ngày 16-7-2026
V/v tranh chấp hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hoàng Việt;

2. Bà Đàm Vân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà An Phương Trang.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1069/2026/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 940/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1); Địa chỉ trụ sở: 266 – B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987. (theo Giấy ủy quyền số 4472 ngày 02/10/2025) (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1985; Địa chỉ: B L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) trình bày như sau:

Ngày 18/4/2014, ông Nguyễn Đức H có ký với Ngân hàng TMCP S(nay là Ngân hàng S1) (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, Ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng (gồm thẻ VS payWave Cre Classic 472074-0350, thẻ Family Credit 970403-6638) với hạn mức sử dụng chung là 16.000.000đ với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.870.000đ (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 472074-0350 là 7.990.000đ, thẻ Family Credit 970403-6638 là 11.880.000đ)

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 20.780.000đ (trong đó thẻ VS payWave Cre Classic 472074-0350 là 8.530.000đ, thẻ Family Credit 970403-6638 là 12.250.000đ) (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/7/2026, ông H còn nợ tổng số tiền 75.505.848đ, cụ thể như sau:

ĐVT: đồng

Loại thẻ	Số thẻ	Dư nợ quá hạn	Lãi quá hạn	Tổng dư nợ	Lãi suất
VS payWave Cre Classic	472074-0350	6.212.259	23.439.780	29.652.039	3.225% (2.15%*150%)
Family Credit	970403-6638	8.510.919	37.342.890	45.853.809	3.75% (2.5%*150%)
Tổng cộng		14.723.178	60.782.670	75.505.848	

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây

- Buộc ông Nguyễn Đức H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/7/2026 là **75.505.848đ (**Bảy mươi lăm triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng), trong đó:

+ Nợ gốc quá hạn: 14.723.178đ

+ Nợ lãi quá hạn: 60.782.670đ

- Và ông Nguyễn Đức H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/7/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Đức H,sinh năm 1985: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét, theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1)ngày 31/12/2025 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Xét, theo Đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú đề ngày 04/5/2026 do nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) cung cấp có cơ sở xác định bị đơn ông Nguyễn Đức H có nơi cư trú tại B L, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đức H đều vắng mặt. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; Ông Nguyễn Nhật Kinh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 18/4/2014 ông Nguyễn Đức H có ký với Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng TMCP S1) (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo đó Ngân hàng đồng ý cấp 02 (hai) thẻ tín dụng gồm thẻ VS payWave Cre Classic 472074-0350 và thẻ Family Credit 970403-6638 cho ông Nguyễn Đức H để tiêu dùng cá nhân với hạn mức chung là 16.000.000đ. Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết giữa ông Đức H với Ngân hàng vào ngày 18/4/2014 có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia.

[2.2] Theo Tóm tắt sao kê ngày 16/7/2026 do Ngân hàng cung cấp thể hiện quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì từ ngày kích hoạt sử dụng thẻ ông Đức H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.870.000đ trong đó thẻ VS payWave Cre Classic là 7.990.000đ, thẻ Family Credit là 11.880.000đ; Và thanh

toán cho Ngân hàng được 20.780.000đ trong đó thẻ VS payWave Cre Classic là 8.530.000đ, thẻ Family Credit là 12.250.000đ cho đến hết ngày 05/12/2016 thì ngừng thanh toán. Do ông Đức H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông Đức H và chuyển toàn bộ dư nợ với tổng số tiền là 14.723.178đ (thẻ VS payWave Cre Classic là 6.212.259đ, thẻ Family Credit là 8.510.919đ) sang nợ quá hạn, áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại. Xét việc ông Đức H không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận được quy định tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (tên mới: Ngân hàng TMCP S1)nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Đức H trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.3] Tại Điều 23 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sthể hiện giữa Ngân hàng với ông Đức H thỏa thuận với nhau về việc: *"Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ Thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn Vị Phát Hành Thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: Chấm Dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ Dư nợ theo quy định của Đơn Vị Phát Hành Thẻ."*. Xét mức lãi suất mà các bên thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, và phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 và Thông báo số 314/TB-TTT ngày 22/5/2012 của Ngân hàng TMCP Sthì mức lãi suất mà Ngân hàng hiện nay đang áp dụng đối với thẻ VS payWave Cre Classic là 2.15%/tháng nên lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng = (150% x 2.15%/tháng); đối với thẻ Family Credit là 2.5%/tháng nên lãi suất quá hạn là 3.75%/tháng = (150% x 2.5%/tháng). Vậy, tổng số tiền mà ông Nguyễn Đức H phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 16/7/2026 là **75.505.848đ** (Bảy mươi lăm triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 14.723.178đ, Nợ lãi quá hạn là 60.782.670đ

Theo quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 thì *"...Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật..."*; *"Mức lãi suất hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn"*, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông

Đức H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/7/2026 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 233; Điều 227, 228, 233 và 238; Điều 266; Điều 271, 273; Điều 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ Điều 117, 118 và 119 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Nguyễn Đức H phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S(tên mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 16/7/2026 là 75.505.848đ (Bảy mươi lăm triệu, năm trăm lẻ năm ngàn, tám trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 14.723.178đ, Nợ lãi quá hạn là 60.782.670đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức H phải chịu số tiền là 3.775.292đ (Ba triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi hai đồng). H1 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (tên mới: Ngân hàng

Thương mại cổ phần S1) số tiền 1.759.500đ (Một triệu, bảy trăm năm mươi chín ngàn, năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017197 ngày 20/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV4, Tp.HCM
- Thi hành án dân sự, Tp.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc